

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HS-ST

Ngày: 13 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và ông Phạm Quốc Tuấn.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên toà:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2025/HSST-QĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/HSST-QĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Đức L, sinh năm 1986 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức P và bà Nguyễn Thị B; vợ: Vũ Thị Thanh T; con: Có 04 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21/10/2004, bị Công an huyện T, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 26/10/2004.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 24/10/2024 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:** Ông Bùi Văn N, sinh năm 1967 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp cho ông Bùi Văn N là vợ và các con của ông N gồm:

+ Bà Lê Thị N1, sinh năm 1967.

+ Anh Bùi Văn H, sinh năm 1989.

Cùng cư trú: Thôn F, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

+ Chị Bùi Thị L1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

(Bà Lê Thị N1 và anh Bùi Văn H ủy quyền cho chị Bùi Thị L1 tham gia tố tụng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Tạ Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức L là người đã có giấy phép lái xe ô tô hạng FC. Ngày 02/02/2024, L bị Công an huyện L, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Điều khiển xe ô tô trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn chưa vượt quá 0,25mg/l lít khí thở” và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe hạng FC từ ngày 02/02/2024 đến ngày 02/01/2025. Việc Lê Đức L bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, bà Lê Thị T1 (là mẹ vợ của L) không biết, nên khoảng 18 giờ ngày 15/10/2024, bà T1 nhờ L điều khiển xe ô tô BKS 90C - 113.22 của bà T1 đi cân khối lượng xe. Lê Đức L điều khiển xe ô tô BKS 90C - 113.22 đi từ nhà bà T1 đến nhà chị Trương Thị H2 tại thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam để cân khối lượng xe. Sau khi cân xong, L điều khiển xe quay về nhà bà T1. Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, khi L điều khiển xe ô tô BKS 90C - 113.22 đi trên đường Q đến khu vực ngã tư giao nhau với đường ĐX05 thuộc địa phận thôn B P, xã C, huyện L, do mãi nhìn gương chiếu hậu bên trái, không chú ý quan sát phía trước, nên L không quan sát thấy ông Bùi Văn N đang điều khiển xe mô tô BKS 90F8 - 7610 đi phía trước cùng chiều. Khi L nhìn lên phía trước thì lúc này xe ô tô do L điều khiển chỉ cách xe mô tô do ông N điều khiển khoảng 03 đến 04 mét. L đạp phanh nhưng không kịp, phần đầu bên trái xe ô tô, BKS 90C - 113.22 đâm thẳng vào sau xe mô tô BKS 90F8 - 7610, hất văng xe mô tô và ông N sang phần đường ngược chiều, ông N ngã ra mặt đường, xe ô tô tiếp tục di chuyển khoảng 06 mét thì dừng lại. Hậu quả, ông Bùi Văn N bị tử vong tại hiện trường, hai phương tiện bị hư hỏng.

Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra (*sau đây viết tắt là: CSĐT*) - Công an huyện L đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, phương tiện xác định: Hiện trường vụ tai nạn giao thông tại đường Q nơi giao nhau với đường ĐX05 thuộc địa phận thôn B P, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đường Quốc lộ 38B được trải nhựa bằng phẳng, rộng 8 mét, có vạch kẻ đường nét đứt màu vàng ở giữa chia đường thành 2 chiều xe chạy riêng biệt. Đường thẳng, không có chướng ngại vật, không có vật che khuất tầm nhìn, mặt đường khô. Khu vực hiện trường không có hệ thống đèn đường, không có hệ thống báo hiệu giao thông. Chọn mép trái đường Quốc lộ 38B hướng từ thị trấn V đi xã C là mép đường chuẩn. Nạn nhân nằm ngửa trên đường ngược chiều, chân quay hướng mép đường chuẩn, đầu quay hướng ngược lại, mũi chân phải và đỉnh đầu ông N cách mép đường chuẩn lần lượt là 0,7m và 2,1m; xe ô tô BKS 90C - 113.22 đỗ tại chiều đường bên phải theo hướng (V đi C); xe mô tô BKS 90F8 - 7610 đỗ áp sườn phải

xuống mặt đường ở cùng chiều đường với ông N, đầu xe hướng đi C, đuôi xe hướng đi V, trên đường có tổ hợp vết mài sạt hướng từ V đi C, từ giữa đường đến vị trí bàn để chân bên phải của xe mô tô, điểm đầu của vết cách tâm trục bánh sau bên trái xe ô tô là 5,9 mét, điểm đầu và điểm cuối vết cách mép đường chuẩn lần lượt là 3,6m và 1,6m, có mảnh chắn bùn sau gắn BKS của xe mô tô và có tổ hợp vật chất màu nâu đỏ kích thước 1,8 x 2,5m.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường xác định vị trí xảy ra tai nạn là chiều đường bên phải theo hướng từ thị trấn V đi xã C, gần vạch kẻ đường màu vàng giữa đường.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô BKS 90F8 - 7610 xác định: Cụm đèn chiếu hậu phía sau bị vỡ, kính và pha đèn bật rời khỏi vị trí ban đầu; chắn bùn phía sau bánh sau và biển số xe bị gãy bật rời khỏi xe, biển số xe bị đẩy cong bẹp từ sau ra trước, vỡ mặt meka, bề mặt có bám dính chất màu xanh (dạng sơn), phía dưới biển số phần chắn bùn có nhiều vết trượt sạt, xước sơn, chùi bụi hướng từ sau về trước; ốp nhựa phía sau đuôi xe tiếp giáp đèn chiếu hậu có xu hướng bị đẩy từ sau về trước, nứt vỡ, mài sạt, xước sơn; tại phần còn lại của chắn bùn bánh sau có nhiều vết trượt, chùi bụi hướng từ sau về trước, bề mặt bám dính chất màu xanh (dạng sơn).

Khám xe ô tô BKS 90C - 113.22 xác định: Góc bên trái mặt nạ xe bị đẩy từ trước về sau, nứt vỡ, bề mặt có nhiều vết trượt sạt, xước sơn, bám dính vật chất (dạng sơn màu nâu), góc dưới cùng bên trái kính chắn gió phía trước có vết nứt vỡ; đầu ba đờ sóc phía trước bên trái bị đẩy từ trước về sau, cong bẹp, bề mặt có nhiều vết trượt sạt, xước sơn và có cài dặt mảnh nhựa màu nâu.

Căn cứ kết quả khám nghiệm phương tiện xác định điểm đâm va giữa hai phương tiện là phần đầu bên trái, phía trước của xe ô tô BKS 90C - 113.22 đâm thẳng vào phần đuôi của xe mô tô BKS 90F8 - 7610.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn, chất ma túy: Xác định thời điểm xảy ra tai nạn Lê Đức L không sử dụng ma túy hay chất có cồn.

Quá trình khám nghiệm, Cơ quan CSĐT - Công an huyện L đã tạm giữ các phương tiện cùng giấy tờ liên quan của hai phương tiện trên.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 52/KLGĐTT-TTGDYK&PY ngày 23/10/2024 của Trung tâm G kết luận: *“Bùi Văn N chấn thương sọ não: rách da đầu, bầm tụ máu tổ chức dưới da đầu, lún vỡ phức tạp xương hộp sọ, rò dịch não tủy: Nguyên nhân tử vong của Bùi Văn N: Do chấn thương sọ não rất nặng”*.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐGTS ngày 30/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: *“1. Giá trị phần tài sản bị hư hỏng của chiếc xe ô tô BKS 90C-113.22 tại thời điểm ngày 15/10/2024 là 4.575.000 đồng; 2. Giá trị phần tài sản bị hư hỏng của chiếc xe mô tô BKS: 90F8 - 7610 tại thời điểm ngày 15/10/2024 là 150.000 đồng”*.

Bị cáo Lê Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Chị Bùi Thị L1 là đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu bồi

thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đối với phần hư hỏng của chiếc xe ô tô BKS 90C - 113.22, chủ sở hữu là bà Lê Thị T1 có quan điểm tự khắc phục, sửa chữa, không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSLN ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Lê Đức L về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với Lê Đức L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, cấm hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn từ 12 đến 24 tháng; đại diện của bị hại không yêu cầu bị cáo phải thường thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi thường nên không giải quyết. Đồng thời đề nghị về án phí vụ án.

+ Bị cáo Lê Đức L khai nhận hành vi của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố và nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[1] Đối với người tham gia tố tụng là người đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và ý kiến của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 15/10/2024, tại đường Q thuộc địa phận thôn B P, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, Lê Đức L không có giấy phép lái xe theo quy định (do đã bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe hạng FC từ ngày 02/02/2024 đến ngày 02/01/2025) điều khiển xe ô tô BKS 90C - 113.22, do không chú ý quan sát phía trước và không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước đã để phần đầu xe ô tô, BKS 90C - 113.22 đâm vào sau xe mô tô BKS 90F8 - 7610 do ông Bùi Văn N điều khiển đi cùng chiều phía trước. Hậu quả ông Bùi Văn N tử vong tại hiện trường, xe mô tô BKS 90F8 - 7610 bị hư hỏng với giá trị thiệt hại là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Hành vi nêu trên của Lê Đức L đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Quan điểm kết tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân xấu (*Ngày 21/10/2004, bị Công an huyện T, tỉnh Hải Dương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 26/10/2004*).

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong các giai đoạn tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải trước pháp luật và gia đình bị hại, mong muốn được sửa chữa lỗi lầm; đây là lần đầu bị cáo phạm tội với lỗi vô ý đã tự giác ra đầu thú; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại; gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đức L là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm đến tính mạng của người khác, làm mất trật tự an toàn giao thông công cộng. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Đức L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo lần đầu phạm tội với lỗi vô ý; khi xảy ra sự việc đã tự giác ra đầu thú; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo là người lao động luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật và quy định của địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú

giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tạo cơ hội cho bị cáo tự rèn luyện, sửa chữa và thấy được chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải và có hoàn cảnh như bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Để đảm bảo, duy trì trật tự an toàn giao thông đường bộ nói chung, cũng như tính nghiêm minh của pháp luật đối với tội phạm này trong tình hình hiện nay. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng Điều 41 và khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô trong một thời gian nhất định mới đảm bảo tính răn đe trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận xong việc bồi thường với số tiền là 200.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe ô tô BKS 90C - 113.22, tài liệu điều tra xác định là tài sản của bà Lê Thị T1; chiếc xe mô tô BKS 90F8 - 7610 là tài sản của ông Bùi Văn N. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe ô tô BKS 90C - 113.22 cùng giấy tờ xe cho bà Lê Thị T1 và trả lại chiếc xe mô tô BKS 90F8 - 7610 cùng giấy tờ xe cho chị Bùi Thị L1 (là con gái ông Bùi Văn N, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị hại) sau khi nhận lại tài sản bà T1 và chị L1 không có yêu cầu đề nghị gì về phần trách nhiệm dân sự.

Đối với bà Lê Thị T1 là người đã giao chiếc xe ô tô BKS 90C - 113.22 cho Lê Đức L điều khiển, tài liệu điều tra xác định khi giao xe cho L, bà T1 không biết L bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe ô tô nên không có căn cứ xử lý đối với bà Lê Thị T1 về hành vi “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức L phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- Xử phạt bị cáo Lê Đức L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 41 và khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự: Cấm bị cáo Lê Đức L hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 15 (mười lăm) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Đức L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao (Vụ GDKT I).
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự - Công an huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Bị cáo; đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi, NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam